TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/KDTM-PT
Ngày: 26/9/2018
V/v tranh chấp hợp đồng KDTM mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hồng
Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân
Ông Trịnh Văn Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng***: Ông Ngô Phạm Thế Mỹ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2018/KDTM-PT ngày 10 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại mua bán hàng hóa.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 75/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần HS.

Địa chỉ: Ấp A, Đường số Z, xã PVC, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc Tr; chức vụ cán bộ phòng kinh doanh –XNK (theo Giấy ủy quyền ngày 11/9/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty)

2. Bị đơn: Ông Phạm Nhật Anh T – Đại diện Hộ kinh doanh Phạm Nhật Anh T; địa chỉ Số 16/15, thôn QH, xã HT, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Ngô Thị Th, sinh năm :1958

Trú tại: Số 16/15 thôn QH, xã HT, huyện ĐT, Lâm Đồng

3.2. Bà Lê Thị Kim M, sinh năm: 1960

Trú tại: Số 35 NT, Phường E, TP. BL, Lâm Đồng.

4. Người kháng cáo: Bà Ngô Thị Th – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

(đại diện nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Th có mặt tại phiên tòa; bị đơn ông Phạm Nhật Anh T vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn Công ty cổ phần HS có ông Nguyễn Quốc Trung đại diện theo ủy quyền trình bày:

Từ năm 2008 Công ty cổ phần HS có quan hệ mua bán với Hộ kinh doanh Phạm Nhật Anh T (gọi tắt là Cửa hàng Nhật T). Ngày 01/4/2008 Công ty cổ phần HS và Hộ kinh doanh Phạm Nhật Anh T có ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 97/HĐMB. Bà Ngô Thị Th là người ký hợp đồng mua bán này.

Quá trình mua bán thì Hộ kinh doanh Phạm Nhật Anh T không trả hết số tiền mua bán lần trước và tiếp tục nhận hàng về bán nên số nợ dần tăng lên.

Chi tiết công nợ cụ thể như sau:

- Theo Biên bản bàn giao công nợ ngày 01/4/2008 thì Cửa hàng vật tư nông nghiệp Nhật T nợ tiền mua hàng của công ty là 9.779.423.000đ.

- Tháng 01/2008 đến tháng 12/2008 Cửa hàng Nhật T tiếp tục mua hàng và nợ lại công ty là 8.072.753.450đ.

- Tháng 01/2009 đến tháng 12/2009 Cửa hàng Nhật T mua hàng của công ty và nợ lại công ty 5.079.106.973đ.

- Tháng 01/2010 đến tháng 12/2010 Cửa hàng Nhật T tiếp tục mua hàng và nợ lại công ty là 5.149.411.384đ.

- Tháng 01/2011 đến tháng 12/2011 Cửa hàng Nhật T tiếp tục mua hàng và nợ lại công ty là 4.519.411.384đ.

- Tháng 01/2012 đến tháng 12/2012 Cửa hàng Nhật T tiếp tục mua hàng và nợ lại công ty là 4.389.411.384đ.

- Tháng 01/2013 đến tháng 12/2013 Cửa hàng Nhật T tiếp tục mua hàng và nợ lại công ty là 2.029.811.384đ.

- Tháng 01/2014 đến tháng 10/2014 Cửa hàng Nhật T tiếp tục mua hàng và nợ lại công ty là 1.779.811.384đ.

Ngày 07/12/2015 Công ty HS và Cửa hàng vật tư nông nghiệp Nhật T lập Biên bản xác nhận công nợ, theo đó đến ngày 30/11/2015 Cửa hàng vật tư nông nghiệp Nhật T còn nợ công ty 1.779.811.384đ đến nay Cửa hàng Nhật T chưa thanh toán mặt dù Công ty đã nhiều lần yêu cầu. Do đó Công ty HS khởi kiện yêu cầu Hộ kinh doanh Phạm Nhật Anh T trả cho Công ty HS số tiền là 1.779.811.384đ và lãi suất do chậm thanh toán từ thời điểm chốt nợ đến nay.

Đối với lời trình bày của ông T, bà Th không đồng ý vì số dư nợ của Cửa hàng Nhật T đối với Công ty HS là do quá trình làm ăn từ năm 2008 khi Cửa hàng Kim M bàn giao công nợ của Cửa hàng Kim M cho Cửa hàng Nhật T chứ không phải như lời trình bày của bà Th là do Công ty HS xuất khống hóa đơn giá trị gia tăng ngày 31/3/2010 số tiền 1.584.600.000đ. Việc xuất hóa đơn trên có căn cứ là hợp đồng kinh tế ngày 10/3/2010 giữa Công ty HS với Cửa hàng Nhật T có bà Th ký đại diện và Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 31/3/2013 đối với hợp đồng kinh tế trên bà Th ký xác nhận số nợ. Đối với lời trình bày của bà Th là trong hóa đơn giá trị gia tăng ngày 31/3/2010 không có chữ ký của người mua hàng và không thể hiện biển số xe chở hàng thì có ý kiến như sau: Công ty HS xuất hóa đơn đã có xác nhận của Công ty HS để gửi cho người mua hàng, hơn nữa Công ty xuất đến 170 tấn ca li miếng nên phải có nhiều xe để chở số hàng này. Đối với việc làm ăn giữa Công ty HS và Kim M không còn liên quan gì nữa từ khi Cửa hàng Kim M bàn giao công nợ cho Cửa hàng Nhật T.

Ngoài ra công ty không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Phạm Nhật Anh T đại diện Hộ kinh doanh Phạm Nhật Anh T (ông T ủy quyền cho bà Ngô Thị Th) trình bày: Đúng là từ thời gian năm 2008 đến năm 2009 Hộ kinh doanh Phạm Nhật Anh T có mua 452 tấn phân bón NPK của Công ty HS. Tổng số tiền là 3.682.419.700đ. Ông Phạm Nhật Anh T mua bán tới đâu thì trả nợ dứt điểm Công ty HS tới đó.

Tuy nhiên trong quá trình mua bán Công ty HS chưa thanh lý hợp đồng mua bán cho ông Phạm Nhật Anh T Hợp đồng số 55/HĐMB ngày 15/01/2009.

Ngày 31/3/2010 Công ty HS xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 95851 với 170 tấn Kali miễng số tiền trong hóa đơn là 1.594.000.000đ. Ngày 12/4/2010 Công ty HS gửi phiếu tính lãi của số tiền hóa đơn ngày 31/3/2010 cho ông T với số tiền 186.709.814đ. Thực tế đây là hóa đơn khống, ông T không nhận số phân bón này. Ông T cũng không chấp nhận tiền lãi như trên.

Ông Phạm Nhật Anh T ký Biên bản xác nhận công nợ ngày 07/12/2015 xác nhận có nợ Công ty HS số tiền 1.779.811.384đ là để Công ty HS làm thủ tục xóa hóa đơn giá trị gia tăng ngày 31/3/2010 và phiếu tính lãi ngày 12/4/2010 cho ông T.

Nay Công ty HS khởi kiện yêu cầu ông Phạm Nhật Anh T trả số tiền 1.779.811.384đ và lãi suất do chậm thanh toán từ thời điểm chốt nợ đến nay ông Phạm Nhật Anh T không đồng ý. Ông Phạm Nhật Anh T không nợ nần gì Công ty HS nữa, đề nghị Tòa án xem xét và đối chiếu các hóa đơn giá trị gia tăng cho phù hợp. Còn việc mua bán giữa bà Kim M, bà Ngô Thị Th và Công ty HS từ năm 2004 đến năm 2007 ông Phạm Nhật Anh T không liên quan. Ông T xác nhận chỉ mua bán phân bón với Công ty HS từ năm 2008.

Đối với các chứng cứ do Công ty HS cung cấp ông Phạm Nhật Anh T xác nhận là chữ ký và chữ viết của ông T. Ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Th trình bày: Bà xác nhận có ký vào Hợp đồng mua bán hàng hóa số 97/HĐMB ngày 01/4/2008 giữa Công ty cổ phần HS và Hộ kinh doanh Phạm Nhật Anh T, tuy nhiên do bà không có tư cách pháp nhân nên ngày 15/01/2009 con bà ông T có ký lại Hợp đồng mua bán hàng hóa số 55/HĐMB với Công ty HS, bà có ký kèm trong hợp đồng.

Tuy nhiên quá trình mua bán hàng hóa thì Hộ kinh doanh Phạm Nhật Anh T đã trả xong toàn bộ tiền hàng hóa cho Công ty HS. Trước đó bà có mua hàng hóa của Cửa hàng Kim M từ năm 2005 đến năm 2007, bà M gửi hàng hóa qua ký gửi cho bà bán đối với phân bón của nhiều công ty gồm: HS, BĐ, LT, AV. Bà M không xuất hóa đơn cho bà. Việc công ty khởi kiện là do Cửa hàng Kim M nhờ Công ty HS thu nợ (Năm 2005 đến 2007 gia đình bà mua bán phân bón với Cửa hàng Kim M). Quá trình làm ăn Cửa hàng Kim M có hứa chiết khấu tám phần trăm đối với số hàng trị giá 20 tỷ đồng cho ông để bà cấn trừ nợ với Công ty HS nên bà mới ký bản tự khai ngày 07/01/2013 xác nhận có nợ của Công ty HS số tiền 2.744.811.000đ và bà có ký cam kết thanh toán ngày 20/3/2013 để Công ty HS rút đơn khởi kiện về. Tuy nhiên Cửa hàng Kim M không thanh toán chiết khấu cho bà. Đối với việc làm ăn giữa bà và Cửa hàng Kim M bà xác nhận không liên quan đến việc Cửa hàng Nhật T nợ Công ty HS. Bà và Cửa hàng Kim M làm ăn riêng với nhau, không liên quan đến Cửa hàng Nhật T và cũng không liên quan đến số nợ mà Công ty HS kiện Cửa hàng Nhật T.

Việc Cửa hàng Nhật T còn nợ Công ty HS số tiền 1.779.811.384đ và ký xác nhận công nợ ngày 07/12/2015 là do Công ty HS xuất hóa đơn giá trị gia tăng khống ngày 31/3/2010 số tiền 1.594.600.000đ và tiền lãi 186.709.814đ. Đối với hợp đồng kinh tế ngày 10/3/2010 giữa Công ty HS với Cửa hàng Nhật T có bà ký đại diện và Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 31/3/2013 đối với hợp đồng kinh tế trên bà ký xác nhận số nợ, bà xác nhận có ký xác nhận nhưng hợp đồng trên là do Công ty HS gửi cho bà ký khống trước. Bà đề nghị Công ty HS xem lại hóa đơn khống trên. Bà và Cửa hàng Nhật T thực tế không nhận 170 tấn kali miễng của Công ty HS. Việc Công ty HS xuất khống hóa đơn là để tạo điều kiện cho bà vay vốn ngân hàng trả Công ty HS.

Do đó giữa Hộ kinh doanh Phạm Nhật Anh T và Công ty HS không còn nợ gì nữa.

Việc mua bán hàng hóa giữa Công ty HS với Hộ kinh doanh Phạm Nhật Anh T không liên quan gì đến bà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim M trình bày: Bà có mở đại lý phân bón kinh doanh tại Bảo Lộc, Lâm Đồng từ năm 2004 bà có bán các loại phân bón cho bà Ngô Thị Th là đại diện cho Hộ kinh doanh Phạm Nhật Anh T. Đến tháng 4 năm 2008 thì số tiền bà Th còn nợ Công ty phân bón HS là 9.779.423.000đ, bà cùng bà Th với Công ty HS thỏa thuận chuyển toàn bộ số nợ trên cho bà Th có trách nhiệm trả cho Công ty HS. Hiện tại bà không còn liên quan đến số nợ giữa Hộ kinh doanh Phạm Nhật Anh T với Công ty HS nữa. Ngoài ra bà không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án nhưng không hòa giải được.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 10/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần HS. Buộc Hộ kinh doanh Phạm Nhật Anh T do ông Phạm Nhật Anh T là chủ hộ có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp và phân bón HS số tiền mua bán hàng hóa là 1.779.811.384đ *(Một tỷ bảy trăm bảy mươi chín triệu tám trăm mười một ngàn ba trăm tám mươi tư đồng*)

2. Về án phí: Buộc Hộ kinh doanh Phạm Nhật Anh T phải chịu 65.394.300đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp và phân bón HS số tiền 32.697.000đ Công ty HS đã tạm nộp trước (ông Trung nộp thay) theo biên lai thu số 0006718 ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án huyện Đức Trọng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo quy định.

Ngày 15/5/2018, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng .

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo bác đơn khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời trình bày Biên bản xác nhận nợ số tiền 1.779.811.384đ là do con trai bà tên là Phạm Nhật Anh T ký nhận nợ với công

ty. Tuy nhiên mặc dù Cửa hàng Nhật T kinh doanh đứng tên con trai bà là Phạm Nhật Anh T đại diện cho hộ kinh doanh nhưng bà là người trực tiếp đứng ra kinh doanh và nhận nợ với công ty từ khoản nợ của Cửa hàng Kim M. Số tiền nợ 1.779.811.384đ này là khoản tiền chiết khấu bà được hưởng từ Cửa hàng Kim M. Bà đề nghị HĐXX khấu trừ khoản nợ này không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, bà không xuất trình chứng cứ gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của viện kiểm sát về việc thẩm phán và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, đồng thời đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Th giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về chủ thể tham gia tố tụng:

Căn cứ Biên bản xác nhận công nợ ngày 07/12/2015 giữa Công ty cổ phần vật tư tổng hợp & phân bón HS và ông Phạm Nhật Anh T đại diện cho Cửa hàng vật tư nông nghiệp Nhật T ký xác nhận khoản nợ 1.779.811.384đ nên nguyên đơn khởi kiện ông Phạm Nhật Anh T *(ông T đại diện hộ kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hộ kinh doanh Số 42E 009023 ngày 05/12/2007 mang tên Hộ kinh doanh Phạm Nhật Anh T; địa điểm kinh doanh tại 16/12 thôn, xã HT, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; ngành nghề kinh doanh phân bón, thuốc trừ sâu)*. Theo quy định tại Điều 101 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Hộ gia đình không có tư cách pháp nhân nên việc xác định chủ thể tham gia xác lập, thực hiện giao dịch dân sự đại diện cho hộ gia đình phải được các thành viên trong hộ gia đình ủy quyền bằng văn bản. Tuy nhiên trong vụ án này ông Phạm Nhật Anh T tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự với Công ty cổ phần HS thông qua việc ký kết hợp đồng dân sự và đối chiếu nhận nợ nên ông Phạm Nhật Anh T là chủ thể của quan hệ dân sự do mình xác lập. Cấp sơ thẩm xác định ông Phạm Nhật Anh T là chủ thể trong quan hệ dân sự đối với Công ty cổ phần HS và tham gia tố tụng với tư cách bị đơn trong vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua HĐXX thấy rằng giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 55/HĐ-MB ngày 15/01/2009 (BL 91) và Biên bản giao công nợ giữa ba bên ngày 01/4/2008 gồm đại diện Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp & phân bón HS - đại diện Hộ kinh doanh Phạm Nhật Anh T do bà Ngô Thị Th tham gia giao dịch với tư cách là đại diện Cửa hàng vật tư nông nghiệp Nhật T do ông Phạm Nhật Anh T là chủ cửa hàng và đại diện bà Lê Thị Kim M là Chủ Cửa hàng vật tư nông nghiệp Kim M, theo đó Cửa hàng vật tư nông nghiệp Nhật T nhận nợ với Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp & phân bón HS số tiền 9.779.423.000đ từ khoản nợ của bà Lê Thị Kim M là chủ Cửa hàng VTNN Kim M kể từ ngày 01/4/2008 (BL 107-108). Sau khi giao dịch chuyển nghĩa vụ giữa ba bên được xác lập các bên đều thực hiện thỏa thuận này từ ngày 01/4/ 2008 đến 30/11/2015 và ông Phạm Nhật Anh T không có ý kiến gì đối với việc bà Ngô Thị Th đại diện cho Cửa hàng Nhật T *(do ông T là chủ cửa hàng có đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hộ kinh doanh Số 42E 009023 ngày 05/12/2007 mang tên Hộ kinh doanh Phạm Nhật Anh T)* tham gia xác lập, thực hiện giao dịch. Sau đó đến ngày 05/01/2010 giữa Công ty CP VTTH & phân bón HS và đại diện Hộ kinh doanh Phạm Nhật Anh T chủ Cửa hàng vật tư nông nghiệp Nhật T đã nhiều lần tiến hành đối chiếu công nợ và xác nhận khoản nợ đến ngày 31/12/2009 là 5.079.106.973 đồng *(BL 109)*; Biên bản xác nhận công nợ ngày 05/01/2011 thể hiện khoản nợ đến ngày 31/12/2010 là 5.149.411.384đ *(BL 110)*; Biên bản xác nhận công nợ ngày 06/01/2012 thể hiện khoản nợ đến ngày 31/12/2011 là 4.519.411.384đ *(BL 111)*; Biên bản xác nhận công nợ ngày 21/9/2012 thể hiện khoản nợ đến ngày 21/9/2012 là 4.389.411.384đ *(BL 112)* đến ngày 07/12/2015 hai bên lập Biên bản xác nhận công nợ đến ngày 30/11/2015 là 1.779.811.384đ *(BL 105)*. Nguyên đơn căn cứ vào Biên bản bàn giao công nợ lập ngày 01/4/2008 và và các Biên bản đối chiếu công nợ được xác lập liên từ năm 2010 đến năm 2015 để yêu cầu bị đơn ông Phạm Nhật Anh T có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ xuất phát từ việc chuyển giao nghĩa vụ và việc mua bán phân bón giữa nguyên đơn với bị đơn. Việc xác định nghĩa vụ của bị đơn được nguyên đơn thực hiện rất rõ ràng và có sự xác nhận của bị đơn ông Phạm Nhật Anh T một cách liên tục thể hiện từ ngày 01/4/2008 đến ngày 30/11/2015 bị đơn đã thanh toán được số tiền là 8.069.916.000đ gồm 04 lần thanh toán trong tổng số nợ đã xác nhận là 9.779.423.000đ số nợ còn lại mà nguyên đơn yêu cầu là 1.779.811.304 là số tiền nằm trong khoản nợ đã xác nhận nợ đối với nguyên đơn, như vậy khoản nợ nói

tên là khoản nợ được xác định từ khoản nợ mà bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán từ ngày 01/4/2008 khoản nợ này không phải là khoản nợ phát sinh mới như lời bị đơn ông Phạm Nhật Anh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Th trình bày.

Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Th trình bày đứng về phía bị đơn ông T không thừa nhận khoản nợ trên và cho rằng khoản nợ này là không có thật, xuất phát từ hóa đơn giá trị gia tăng khống ngày 31/3/2010 số tiền 1.594.600.000đ và tiền lãi 186.709.814đ đối với Hợp đồng kinh tế ngày 10/3/2010 giữa Công ty HS với Cửa hàng Nhật T. Tuy nhiên qua xem xét các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thì số tiền nói trên không nằm trong yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà nằm trong khoản tiền chuyển giao nghĩa vụ theo Biên bản giao công nợ giữa ba bên ngày 01/4/2008. Đồng thời người có kháng cáo không xuất trình được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ đã xác nhận theo Biên bản xác nhận công nợ đến ngày 30/11/2015 là 1.779.811.384đ *(BL 105)* và Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Th giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên do giao dịch được ông Phạm Nhật Anh T tự mình đứng ra xác lập, thực hiện, đồng thời Hộ gia đình theo quy định của pháp luật là chủ thể tham gia giao dịch dân sự nhưng không có tư cách pháp nhân, nên cần buộc ông Phạm Nhật Anh T có nghĩa vụ thanh toán số nợ còn lại cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật về dân sự. Phía nguyên đơn không yêu cầu lãi suất do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Tòa án không xem xét. Từ những nhận định trên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Th. HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Đương sự phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên người có kháng cáo phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Th là người có quyền lợi, nghĩa vị liên quan đối với nguyên đơn Công ty cổ phần HS.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần HS. Buộc bị đơn ông Phạm Nhật Anh T là Chủ Cửa hàng vật tư nông nghiệp Nhật T *(ông T đại diện Hộ kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hộ kinh doanh Số 42E 009023 ngày 05/12/2007 mang tên Hộ kinh doanh Phạm Nhật Anh T; địa điểm kinh doanh tại 16/12 thôn Q, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; ngành nghề kinh doanh phân bón, thuốc trừ sâu)* có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần HS số tiền 1.779.811.384đ *(Một tỷ, bảy trăm bảy mươi chín triệu, tám trăm mười một ngàn, ba trăm tám mươi tư đồng)*

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí**:**

Buộc ông Phạm Nhật Anh T phải chịu 65.394.300đ *(Sáu mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi tư ngàn, ba trăm đồng)* tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Buộc bà Ngô Thị Th phải chịu 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)* tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số AA/2016/0005925 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Đức Trọng. Bà Th còn phải nộp 2.700.000đ *(Hai triệu, bảy trăm ngàn đồng)* tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần HS số tiền 32.697.000đ *(Ba mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi bảy ngàn đồng)* (do ông Nguyễn Quốc Tr nộp thay) theo Biên lai thu số AA/2015/0006718 ngày 20/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND H. Đức Trọng (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hồng